

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2024 Về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hoàn Bồ. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Định

Số:1459/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là: 8.052.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao: 7.544.395.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ số thu sự nghiệp và chi khác được để lại chi thường xuyên: 507.605.000 đồng.

(Các biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Số tiền tiết kiệm 5% từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của thủ tướng chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên: trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Các đơn vị sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

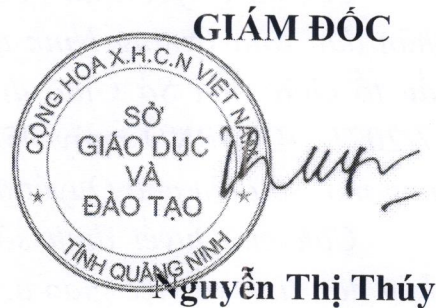
Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC07.

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh



**KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
VÀ TỪ NGUỒN THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 459/QĐ-SGDĐT ngày 16 /10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí 5% tiết kiệm				
		Tổng cộng	Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Bao gồm		Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên
				Trong đó		
				Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Tổng số	8.052.000.000	7.544.395.000	2.464.620.000	5.079.775.000	507.605.000
I	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	1.965.580.000	1.965.580.000	185.480.000	1.780.100.000	
II	Các đơn vị trực thuộc	6.086.420.000	5.578.815.000	2.279.140.000	3.299.675.000	507.605.000
1	Trường THPT Bạch Đằng	177.943.000	162.343.000	63.700.000	98.643.000	15.600.000
2	Trường THPT Bãi Cháy	505.207.000	477.782.000	54.250.000	423.532.000	27.425.000
3	Trường THPT Cẩm Phả	164.775.000	118.900.000	51.800.000	67.100.000	45.875.000
4	Trường THPT Cửa Ông	320.550.000	320.550.000	39.950.000	280.600.000	
5	Trường THPT Đông Thành	90.775.000	75.400.000	45.000.000	30.400.000	15.375.000
6	Trường THPT Đông Triều	126.274.000	117.079.000	53.329.000	63.750.000	9.195.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	111.550.000	102.500.000	44.300.000	58.200.000	9.050.000
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	163.775.000	144.800.000	53.250.000	91.550.000	18.975.000
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	88.475.000	82.050.000	43.000.000	39.050.000	6.425.000
10	Trường THPT Hoàn Bò	104.875.000	94.850.000	47.900.000	46.950.000	10.025.000
11	Trường THPT Hòn Gai	315.545.000	315.545.000	124.095.000	191.450.000	
12	Trường THPT Lê Chân	109.540.000	94.450.000	50.000.000	44.450.000	15.090.000
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	91.525.000	91.525.000	45.625.000	45.900.000	
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	110.025.000	106.650.000	54.500.000	52.150.000	3.375.000
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	94.040.000	91.256.000	44.406.000	46.850.000	2.784.000
16	Trường THPT Minh Hà	150.690.000	139.200.000	65.500.000	73.700.000	11.490.000

17	Trường THPT Mông Dương	76.350.000	76.350.000	38.300.000	38.050.000	
18	Trường THPT Ngô Quyền	157.625.000	132.250.000	28.150.000	104.100.000	25.375.000
19	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	289.433.000	242.550.000	94.750.000	147.800.000	46.883.000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	350.425.000	335.150.000	198.950.000	136.200.000	15.275.000
21	Trường THPT Trần Phú	139.100.000	111.100.000	56.200.000	54.900.000	28.000.000
22	Trường THPT Uông Bí	186.675.000	176.750.000	84.950.000	91.800.000	9.925.000
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	101.200.000	56.650.000	4.800.000	51.850.000	44.550.000
24	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	73.725.000	73.725.000	18.275.000	55.450.000	
25	Trường THPT Đàm Hà	158.396.000	145.250.000	106.700.000	38.550.000	13.146.000
26	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	84.013.000	77.150.000	42.600.000	34.550.000	6.863.000
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	118.300.000	118.300.000	84.550.000	33.750.000	
28	Trường THPT Quảng Hà	152.880.000	139.460.000	46.510.000	92.950.000	13.420.000
29	Trường THCS&THPT Tiên Yên	111.018.000	108.500.000	55.400.000	53.100.000	2.518.000
30	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	126.113.000	106.400.000	76.950.000	29.450.000	19.713.000
31	Trường THPT Ba Chẽ	88.060.000	76.900.000	36.450.000	40.450.000	11.160.000
32	Trường THPT Bình Liêu	179.290.000	164.600.000	73.800.000	90.800.000	14.690.000
33	Trường THPT Cô Tô	100.140.000	93.050.000	63.900.000	29.150.000	7.090.000
34	Trường THCS&THPT Hoàn Mô	210.900.000	210.900.000	100.200.000	110.700.000	
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	102.357.000	90.050.000	72.800.000	17.250.000	12.307.000
36	Trường THCS-THPT Quảng La	139.736.000	124.900.000	67.350.000	57.550.000	14.836.000
37	Trường THPT Hải Đảo	415.120.000	383.950.000	46.950.000	337.000.000	31.170.000